

Nâng giá đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ trong điều kiện suy thoái kinh tế toàn cầu

Nguyễn Thường Lạng*

Trong điều kiện khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay, vấn đề đặt ra là nên tăng hay giảm giá đồng Việt Nam so với các ngoại tệ. Với mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia cũng như góp phần tăng vị thế của quốc gia, cần có sự lựa chọn có hiệu quả chế độ tỷ giá phù hợp. Việc tăng, giảm hay giữ cố định tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam với các đồng tiền các nước khác là một vấn đề cực kỳ quan trọng vì nó gây ra những tác động tiếp theo của sự biến động tỷ giá hối đoái đến các chỉ số kinh tế vĩ mô khác, lợi ích của doanh nghiệp và việc làm của người lao động trong khu vực xuất khẩu và nhập khẩu. Việc điều chỉnh tỷ giá hối đoái chỉ có thể thực hiện trong một thời điểm song các tác động của chúng lại hết sức lâu dài và sâu sắc, mà trong nhiều trường hợp, các tác động này vượt ra ngoài cả những dự kiến ban đầu của các nhà hoạch định chính sách. Do đó,

việc đề xuất điều chỉnh chính sách tỷ giá có thể phải thận trọng tính đến nhiều yếu tố và hơn nữa, cần đánh đôi giữa lợi ích và chi phí của việc điều chỉnh tỷ giá hối đoái để tìm mức độ phù hợp của tỷ giá trong một giai đoạn. Đây là một vấn đề nhạy cảm và do đó, sự thận trọng trong điều chỉnh tỷ giá hối đoái càng cao càng tốt hiện nay.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy hầu hết các ý kiến đều thiên về việc giảm giá đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ, thậm chí nên phá giá mạnh đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ để thúc đẩy xuất khẩu và tăng khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu nhằm cải thiện cán cân thương mại.

Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau và sự thay đổi của tỷ giá hối đoái tác động đến nhiều tham số kinh tế vĩ mô cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, có thể xem xét sự biến động của tỷ giá hối đoái từ hai góc độ. *Thứ nhất*, góc độ các

* Phó giáo sư, Tiến sĩ,
Đại học Kinh tế Quốc dân

yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái. Đây là góc độ xem xét sự biến động của tỷ giá ngược về phía “nguồn gốc” của sự biến động tỷ giá hối đoái. Góc độ này sẽ chỉ ra được nguyên nhân của sự biến động tỷ giá. Khi cường độ của các yếu tố thay đổi thì xuất hiện sự biến động của tỷ giá. Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái bao gồm các yếu tố ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp, cục bộ và tổng thể... và thường có các yếu tố như lạm phát, lãi suất, tốc độ tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng xuất- nhập khẩu, tình hình đầu tư nước ngoài, chính sách tỷ giá, tâm lý các nhà kinh doanh ngoại hối, tình hình tỷ giá trên thị trường ngoại hối quốc tế... *Thứ hai*, xem xét tỷ giá hối đoái từ góc độ tác động của sự biến động tỷ giá hối đoái đến các giao dịch kinh tế đối ngoại như xuất- nhập khẩu, đầu tư nước ngoài, nợ nước ngoài... Đây là cách xem xét ngược chiều các biến động có khả năng xảy ra của nó tới tỷ giá. Cách xem xét thứ hai thường được các nước quan tâm vì các nhà hoạch định chính sách tỷ giá hối đoái thường xuyên quan tâm đến hậu quả của chính sách đó. Nghĩa là xem xét tỷ giá hối đoái từ hậu quả tác động của tỷ giá đến các giao dịch thương mại và đầu tư quốc tế. Các nghiên cứu về chính sách tỷ giá Việt Nam đều xoay quanh mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái với mục tiêu đẩy xuất khẩu trong quá trình công nghiệp hoá cần tích lũy ngoại tệ cho mục tiêu “cắt cánh”.

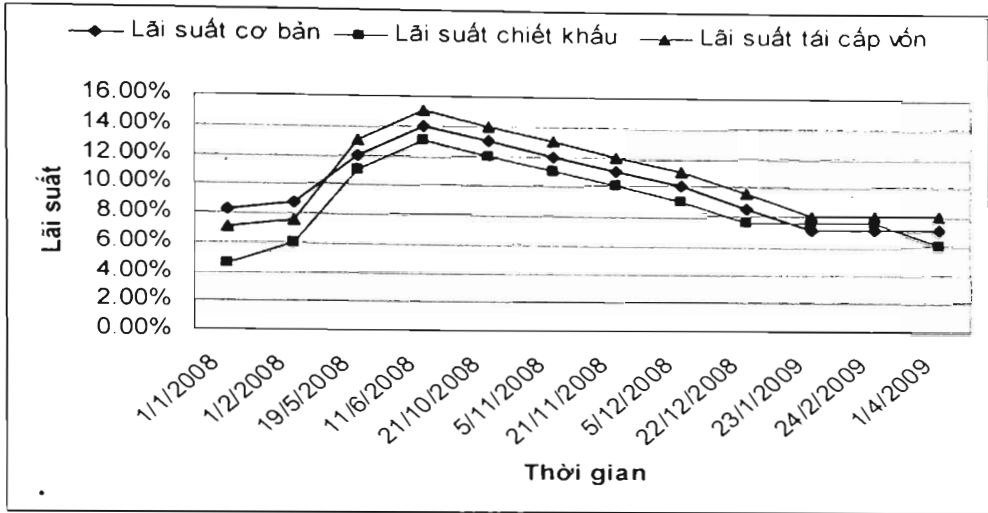
Lạm phát và lãi suất

Sự thay đổi của lạm phát ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái trong dài hạn. Theo quy luật một giá, tỷ giá hối đoái chịu ảnh hưởng của lạm phát. Khi lạm phát tăng cao, đồng tiền trong nước bị giảm giá mạnh hay nói cách khác đồng ngoại tệ lên giá mạnh so với đồng tiền trong nước. Tỷ giá hối đoái có xu hướng tăng

lên. Tuy nhiên, lạm phát tác động đến tỷ giá trong dài hạn, vì thế không thể sử dụng lạm phát làm căn cứ trực tiếp để điều chỉnh tỷ giá hối đoái đặc biệt là tỷ giá song phương. Chẳng hạn, trong năm 2008, có thời điểm lạm phát ở Việt Nam là 25% trong khi đó tỷ lệ lạm phát ở Mỹ là 3%. Chênh lệch lạm phát giữa hai nước rất lớn song đồng Việt Nam mất giá không đáng kể so với đồng đô la Mỹ. Điều này có thể do đồng Việt Nam được nâng giá mạnh hoặc do xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng lên rất lớn làm cho khả năng giảm giá đồng Việt Nam rất hạn chế trên thực tế. Trong tình hình đó, việc nắm giữ đồng Việt Nam tốt hơn là nắm giữ ngoại tệ mà trực tiếp là đồng đô la. Nạn đầu cơ bị giảm thiểu và các giao dịch chủ yếu phục vụ các hoạt động thương mại và đầu tư nước ngoài. Việt Nam đã xuất siêu sang thị trường Mỹ. Cán cân thương mại Việt Nam và Mỹ thặng dư về phía Việt Nam có thời điểm lên đến khoảng 5 tỷ USD. Do đó, nếu đơn thuần dựa vào sự chênh lệch tỷ lệ lạm phát giữa các nước để điều chỉnh tỷ giá hối đoái thì sẽ gây ra những tác động méo mó và sai lệch tỷ giá.

Bên cạnh đó, lãi suất huy động đồng Việt Nam đã được nâng lên rất lớn, có thời điểm lên tới 21%/năm (xem đồ thị 1) để chống lại tình trạng lạm phát song tỷ giá giữa đồng Việt Nam là đồng đô la Mỹ không có sự thay đổi lớn. Lý do là việc gửi tiền bằng đồng Việt Nam mang lại lãi suất lớn hơn so với đô la mà điều này là bài học đã được chứng minh trong thời kỳ chống lạm phát của Việt Nam giai đoạn 1986-1988. Khi tăng lãi suất lên cao, một lượng tiền lớn đã được hút vào hệ thống ngân hàng và hoạt động này mang lại lợi nhuận lớn cho nhiều giao dịch.

Đồ thị 1: Việc điều chỉnh lãi suất ở Việt Nam theo quy định của chính phủ



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chính sách tỷ giá và trạng thái tâm lý

Chính sách của chính phủ về tỷ giá có ảnh hưởng rất lớn đến tỷ giá hối đoái trên thị trường. Ở Việt Nam, việc xác định tỷ giá hối đoái chính thức và tỷ giá hình thành trên thị trường thực hiện theo cơ chế tương hỗ. Các bên thường dựa vào nhau để ra quyết định một cách khá linh hoạt, đồng thời tùy theo sự biến động của thị trường thế giới. Có thể nói chính sách tỷ giá của Việt Nam thời gian qua vẫn dựa chủ yếu vào đồng đô la Mỹ mặc dù đây là một chính sách tỷ giá linh hoạt có điều tiết có tính đến các đồng tiền mạnh khác như đồng EURO, JPY... Trong năm 2008 và đầu năm 2009, có việc nới lỏng biên độ để tăng thêm độ linh hoạt của tỷ giá.

Trạng thái tâm lý và hành vi của các cá nhân và tổ chức trên thị trường ngoại hối Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào các biến động như thị trường chứng khoán, lãi suất, sự biến động của thị trường bất động sản..., nghĩa là phụ thuộc vào sự biến động của giá các tài sản có khả năng mang lại lợi nhuận trong ngắn hạn. Khi có những biến động làm sụt giảm giá trị của loại tài sản này thì chúng sẽ được bán tháo ra và cơn sốt về tài sản khác lại xuất hiện. Đây

là nguyên nhân trực tiếp của sự “nóng lên” và “đóng băng” của thị trường trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường. Trạng thái tâm lý có ảnh hưởng rất lớn đến tỷ giá hối đoái và thường diễn ra trong thời gian ngắn với mục đích tìm lợi nhuận ngắn hạn. Chẳng hạn, khi lãi suất huy động tăng lên vào cuối năm 2008, xuất hiện một dòng tiền từ ngoài lưu thông chảy vào ngân hàng và nhiều loại tài sản đã được chuyển thành tiền mặt để gửi tiết kiệm thu lãi suất cao. Sau đó, khi lạm phát được đẩy lùi, vào đầu năm 2009, việc hạ lãi suất để khuyến khích đầu tư và xuất khẩu được thực hiện với tỷ lệ lãi suất huy động chỉ còn 10%/năm và lúc này lại xuất hiện dòng tiền rút ra khỏi ngân hàng và không như kỳ vọng là một lượng tiền được đưa vào đầu tư thì có một phần không nhỏ lượng tiền đó được chuyển sang đầu cơ vàng, ngoại tệ... làm cho ngoại tệ lên giá, đây giá vàng trong nước tăng cao thậm chí cao hơn so với giá vàng thế giới, tạo ra cơn sốt vàng và ngoại tệ.

Ngoài các yếu tố trên đây, còn có các yếu tố khác ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái có ý nghĩa quan trọng là tình trạng cán cân thương mại.

tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc dân, đầu tư nước ngoài, kim ngạch xuất- nhập khẩu...

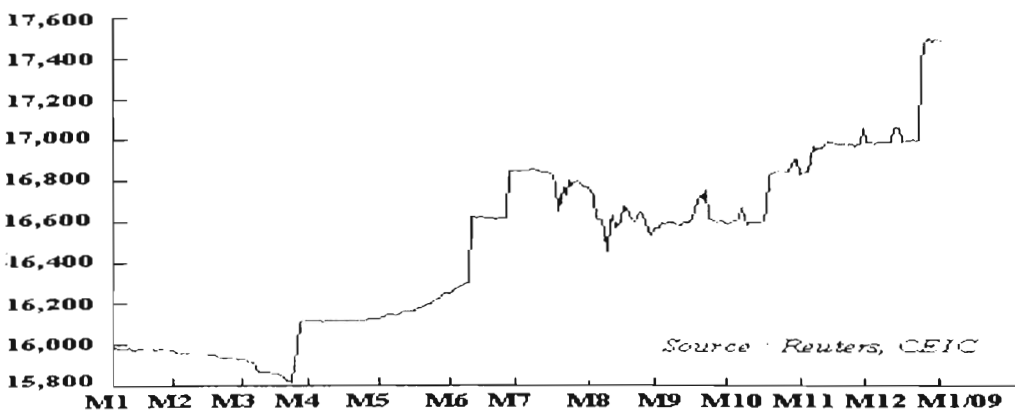
Trường hợp tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng đô- la Mỹ trong điều kiện suy thoái

Suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu có dấu hiệu xuất hiện từ cuối năm 2007 xuất phát từ việc đổ vỡ thị trường bất động sản phát sinh ở Mỹ và sự phá sản của một số ngân hàng cho vay bất động sản. Cuộc suy thoái đó lan rộng sang các nền kinh tế lớn và trở nên trầm trọng vào cuối năm 2008 trên toàn thế giới. Đến đầu tháng 4/2009, chính phủ 20 nước phát triển đã có cuộc gặp thượng đỉnh sử dụng gói cứu trợ nền kinh tế thế giới khoảng trên 1.000 tỷ USD. Đây là dấu hiệu cho thấy tác động tích cực của các chính phủ nhằm ngăn chặn đà suy thoái nền kinh tế thế giới. Trong năm 2008, nền kinh tế Việt Nam rơi vào tình trạng lạm phát cao và nhập siêu lớn. Theo các số liệu công bố, lạm phát ở Việt Nam đạt tới con số trên 20% và nhập siêu khoảng gần 20 tỷ USD vào cuối năm 2007. Nền kinh tế có nguy cơ rơi vào tình trạng không kiểm soát được. Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam đã có những giải pháp hữu hiệu

để giải quyết vấn đề này đặc biệt là chính sách thắt chặt tiền tệ đã thực hiện thành công. Đồng thời, các biện pháp kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu đã được áp dụng. Kết quả là lạm phát bị đẩy lùi, nhập siêu được kiểm soát, song thất nghiệp có xu hướng tăng lên và nền kinh tế có khả năng rơi vào tình trạng giảm phát.

Trong thời gian này, chính sách tỷ giá hối đoái Việt Nam được thực hiện gắn với sát điều kiện kinh tế của Việt Nam. Vào cuối năm 2008, tỷ giá hối đoái chính thức được duy trì ở mức 17.000-17.100 VND/USD và nhích dần lên đôi chút. Sau đó, tỷ giá hối đoái chính thức trong 3 tháng đầu năm 2009 dao động trong khoảng 17.650- 17.880 VND/USD (xem biểu đồ 1). Đến đầu tháng 4/2009, do việc nới lỏng biên độ dao động tỷ giá của ngân hàng nhà nước, tỷ giá hối đoái có tăng lên 18.120 VND/USD trên thị trường tự do (ngày 27/4/2008). Còn tỷ giá chính thức do nhà nước công bố thấp hơn so với tỷ giá trên thị trường khoảng 1% (17.780 VND). Nghĩa là không có sự khác biệt quá lớn giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá tự do. Đây là kết quả của chính sách thả nổi có kiểm soát của nhà nước đối với thị trường ngoại tệ.

Biểu đồ 1: Tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ năm 2008 và đầu năm 2009



Tuy nhiên, biến động của tỷ giá hối đoái hữu hiệu thực tế có khác với biến động của tỷ giá danh nghĩa (xem Biểu đồ 2). Theo biểu đồ

này, đồng Việt Nam có xu hướng lên giá so với các đồng tiền khác, song xuất khẩu của Việt Nam vẫn có xu hướng tăng lên.

Biểu đồ 2: Biến động tỷ giá hữu hiệu thực tế của Việt Nam



Nguồn: IMF

Đến nay, có thể nói tỷ giá hối đoái của đồng Việt Nam chủ yếu gắn với đồng đô la Mỹ. Chính sách này đã có tác dụng trong việc ổn định tương đối đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ trong một thời gian dài trong điều kiện nền kinh tế Mỹ ổn định. Tuy nhiên, xét cán cân thương mại Việt Nam và Mỹ có thể thấy triển vọng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ còn khá lớn và đây là yếu tố làm cho đồng Việt Nam lên giá tương đối so với đồng đô la. Xét về tổng thể, nền kinh tế thế giới suy thoái đầu năm 2009 trong đó có cả nền kinh tế Mỹ song nền kinh tế Việt Nam có dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng trở lại trong quý 2/2009. Có thể và cần phải tính đến việc lựa chọn cơ chế tỷ giá hối đoái phù hợp. Mặc dù có ý kiến cho rằng nên phá giá mạnh đồng Việt Nam có thể tới tỷ giá 22.000 VND/USD trong điều kiện suy thoái để thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá Việt Nam. Song theo tác giả, có lẽ nên nâng giá đồng Việt Nam tương đối so với đồng đô la Mỹ trong điều kiện suy thoái kinh tế thế giới thì phù hợp hơn.

Việc nâng giá tương đối đồng tiền Việt Nam so với các đồng tiền khác mà trực tiếp là với đồng đô la Mỹ tạo ra các tác động quan trọng nhất định đối với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng, cụ thể là:

1) Thúc đẩy hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam. Đây là điều kiện quan trọng và hỗ trợ lâu dài cho việc các doanh nghiệp Việt Nam được thành lập ở nước ngoài để thu lợi nhuận, từng bước hình thành mầm mống các công ty xuyên quốc gia của Việt Nam và làm sâu sắc hơn quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu. Việt Nam hiện tại đang coi trọng việc đầu tư ra nước ngoài và dòng vốn đầu tư ra nước ngoài đang có xu hướng tăng mạnh trong thời gian gần đây và có xu hướng tăng lên trong thời gian tới. Xét về lâu dài, việc xuất hiện các công ty xuyên quốc gia Việt Nam là điều kiện để tăng lượng tài sản của Việt Nam ở nước ngoài, di chuyển lao động Việt Nam vốn có mức tiền lương thấp sang các thị trường có mức tiền lương cao, tăng mức độ hội nhập kinh tế quốc gia, khai thác triệt để các cơ hội của thị trường nước ngoài và phân tán rủi ro về tài sản. Vào cuối những năm 1990, Nhật Bản đã khai thác triệt để hiệu ứng của đồng Yên lên giá từ 320Yên/USD lên 140Yên/USD và hiệu ứng đường cong J ngược không phải chỉ để xuất khẩu hàng hoá mà quan trọng hơn là để đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài. Chính tác động này đã làm tăng tiềm lực về kinh tế của Nhật Bản, khai thác tác động cao hơn và toàn diện hơn của di chuyển vốn quốc tế so với thương

mại quốc tế cũng như hình thành các công ty xuyên quốc gia của Nhật Bản. Việc nâng giá mạnh đồng Yên Nhật Bản đã góp phần biến Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới trong khoảng thời gian dài.

2) Tăng việc tích lũy tài sản tính bằng đồng Việt Nam và phục vụ chính sách hạn chế tối đa nạn đô la hoá trong nền kinh tế đang làm giảm tác động của các công cụ tài chính- tiền tệ, thực hiện chủ trương các giao dịch kinh tế và kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam chỉ được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Việc làm đó còn góp phần hạn chế nạn đầu cơ vàng, ngoại tệ và từng bước tiến tới khống chế được tình trạng đầu cơ, tích trữ, lũng đoạn thị trường thường là yếu tố gây ra tình trạng bất ổn trong nền kinh tế, làm giảm hiệu quả và hiệu năng của các biện pháp điều tiết vĩ mô nền kinh tế thậm chí làm vô hiệu hoá các chính sách này.

3) Việc nâng giá đồng Việt Nam có tác động trực tiếp tích cực lớn hơn so với giảm giá đồng Việt Nam. Nếu giảm giá mạnh đồng Việt Nam với mục tiêu thúc đẩy xuất khẩu, song để việc giảm giá nhằm thúc đẩy xuất khẩu và cải thiện cán cân thương mại thì việc giảm giá đó phải đáp ứng một điều kiện cực kỳ ngặt nghèo là cầu hàng xuất khẩu Việt Nam phải co giãn theo giá, nghĩa là việc giảm giá đồng tiền trong nước phải thoả mãn điều kiện Marshall-Leaner¹. Cơ cấu hàng xuất khẩu Việt Nam thời gian qua cho thấy một phần đáng kể hàng hoá xuất khẩu Việt Nam là hàng nông sản và thủy sản; hàng may mặc, sản phẩm thô hoặc sản phẩm với hàm lượng chế biến thấp. Đây là những mặt hàng có cầu hầu như ít co giãn theo giá. Cho nên việc giảm giá các mặt hàng này chưa hẳn đã làm tăng cầu cho dù tính cạnh tranh về giá được cải thiện phần nào. Đồng

thời, nếu xem xét cơ cấu theo chủ thể xuất khẩu hàng Việt Nam thì có thể thấy, hầu hết hàng xuất khẩu của Việt Nam thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu). Đây là khu vực có khả năng cạnh tranh cao do sử dụng công nghệ sản xuất có khả năng cạnh tranh, kinh nghiệm quản lý tiên tiến và quan hệ sâu rộng với đối tác nước ngoài, thương hiệu nổi tiếng và khai thác được lợi thế của nguồn lao động rẻ Việt Nam cho nên khả năng tiêu thụ sản phẩm khá thuận lợi. Do đó, nếu giảm giá đồng Việt Nam có thể làm cho giá hàng xuất khẩu giảm song mức độ bán hàng trên thị trường nước ngoài có thể không tăng. Hoặc có chăng, việc giảm giá mạnh đồng tiền chỉ có tác động cải thiện cán cân thương mại tức thời. Hàng hoá xuất khẩu bị bán rẻ trên thị trường nước ngoài cũng đồng nghĩa với việc các tài nguyên và tài sản trong nước kể cả hàng hoá sức lao động bị bán rẻ cho đối tác nước ngoài. Khía cạnh này sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến chủ quyền quốc gia khi đối tác nước ngoài di chuyển một lượng lớn ngoại tệ vào trong nước để mua một khối lượng lớn các tài sản có giá trị cao với giá rẻ. Thêm vào đó, do các nền kinh tế tiêu thụ hàng xuất khẩu Việt Nam chiếm tỷ trọng đáng kể như Mỹ, Nhật Bản và châu Âu đang rơi vào tình trạng suy thoái trầm trọng trong năm 2008 và 2009 cho nên thất nghiệp tăng, thu nhập giảm, sức mua của các thị trường nhập khẩu giảm mạnh và cầu về hàng hoá của Việt Nam khó có thể tăng lên khi giảm giá đồng Việt Nam. Vì thế, biện pháp thúc đẩy xuất khẩu chỉ dựa chủ yếu vào giảm giá đồng tiền khó có thể đạt được mục tiêu mà còn có thể bị các nước trả đũa mạnh. Giảm giá đồng tiền trong nước làm tăng lạm phát nhập khẩu, gây bất ổn về mặt bằng giá trong nước và cũng không thể cứ liên tục giảm giá đồng tiền trong nước để thúc đẩy xuất khẩu được. Bản chất của giảm giá đồng tiền là việc tái phân bổ lại thu nhập từ lao động sang thu nhập từ vốn tức là từ giới có thu

¹ Theo điều kiện Marshall- Leaner, việc giảm giá mạnh mà cao hơn là phá giá chỉ có thể thúc đẩy xuất khẩu khi tổng đại số các hệ số co giãn của cầu về hàng xuất khẩu và hàng nhập khẩu theo giá lớn hơn 1.

nhập thấp sang giới có thu nhập cao, làm hạn chế các doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào đổi mới công nghệ, áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường nước ngoài. Kinh nghiệm của các nước Đông Nam Á trong cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997-1998 cho thấy có một loạt đồng tiền phá giá năm 1998 như đồng Baht (Thái Lan), Ringit (Malaixia)...và cán cân thương mại có cải thiện song chính phủ các nước phải can thiệp để nâng giá đồng tiền lại gần với trạng thái ban đầu chứ không để nguyên tình trạng phá giá.

4) Việc nâng giá đồng Việt Nam còn tạo điều kiện làm cho giá hàng nhập khẩu của Việt Nam từ các nước trên thị trường Việt Nam trở nên rẻ hơn. Trong điều kiện một quốc gia nhập khẩu nhiều như Việt Nam thì việc giảm giá hàng nhập khẩu lại có lợi rất lớn cho cả hoạt động sản xuất và tiêu dùng, góp phần giảm lạm phát trong nước. Đặc biệt các loại nguyên vật liệu, máy móc thiết bị nhập khẩu với giá rẻ sẽ góp phần tăng lượng tài sản cố định trong nền kinh tế phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

5) Việc nâng giá đồng tiền góp phần giảm đáng kể các khoản nợ nước ngoài của Việt Nam, do đó giảm bớt gánh nặng cho ngân sách quốc gia và đóng góp của nhân dân. Giả sử hiện nay tổng số nợ nước ngoài của Việt Nam là 10 tỷ USD, khi khoản nợ này tính bằng đồng Việt Nam thì với việc giảm giá đồng Việt Nam 10% thì cũng đồng nghĩa với việc tăng khoản nợ phải trả thêm là 1 tỷ USD. Còn nếu nâng giá đồng tiền trong nước lên 10% so với giá trị thực của nó, khoản nợ này sẽ giảm đi 1 tỷ USD. Cũng có lập luận cho rằng việc nâng giá đồng Việt Nam sẽ làm tăng nhập khẩu hàng hoá và tăng thâm hụt thương mại. Trên thực tế, thời gian qua, việc giải quyết vấn đề thâm hụt cán cân thương mại Việt Nam có nhiều biện pháp nhưng biện pháp điều chỉnh tỷ

giá không phải là biện pháp chủ đạo mà cơ bản là biện pháp mang tính chất hành chính hoặc sử dụng các công cụ điều tiết nặng về hành chính. Việc nâng giá đồng Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi đi vay để xuất khẩu và khi thanh toán các khoản vay được thuận tiện do tỷ giá không bị biến động quá lớn giữa thời điểm đàm phán để ký kết hợp đồng và thời điểm thanh toán vào lúc thanh khoản hợp đồng. Việc nâng giá đồng Việt Nam có thể làm xuất khẩu giảm vì giá xuất khẩu một số mặt hàng tăng lên nhưng lợi thế về lao động rẻ sẽ được phát huy. Điều đó còn tạo áp lực phải cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng và tạo dựng thương hiệu sản phẩm Việt Nam thay vì áp lực dựa vào sự hỗ trợ chính phủ bằng cách phá giá. Đây là áp lực tích cực xét về dài hạn đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp, ngành và quốc gia mà Việt Nam rất cần trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh quốc tế gay gắt. Hơn nữa, việc nâng giá đồng tiền là điều kiện để thực hiện việc phân phối lại thu nhập từ vốn sang lao động. Đây là điều kiện góp phần cải thiện đời sống cho người lao động.

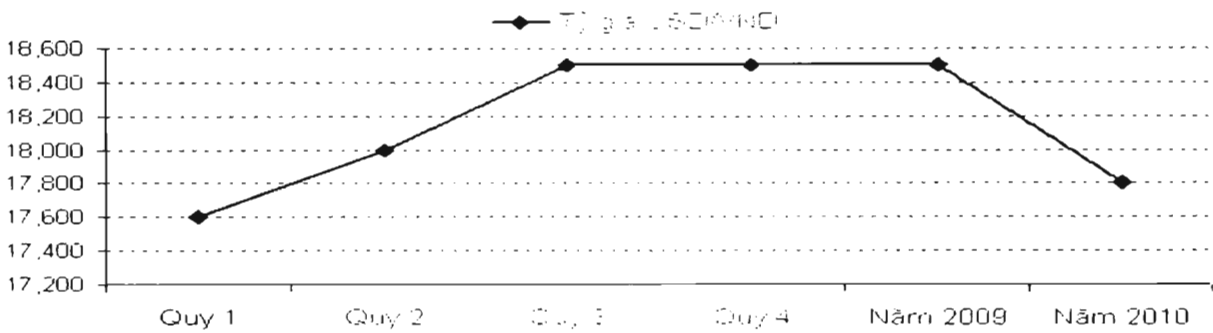
6) Chính phủ Việt Nam sử dụng gói kích cầu trực tiếp nền kinh tế kể từ tháng 4/2009 với trị giá 8 tỷ USD để giúp đưa nền kinh tế giảm thiểu tác động của tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu đã tạo lòng tin của dân cư và doanh nghiệp vào năng lực điều hành và những phản ứng chính sách tích cực, kịp thời và hữu hiệu trong điều tiết thị trường, tạo chỗ dựa để ổn định đồng Việt Nam so với các ngoại tệ khác. Nhân cơ hội này, việc nâng giá đồng tiền Việt Nam sẽ tạo lòng tin vào khả năng tăng vị thế của đồng Việt Nam so với các đồng tiền khác. Nền kinh tế Việt Nam mặc dù đang gặp phải những tác động không nhỏ của suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn thể hiện được sự mạnh lên tương đối so với các nền kinh tế khác, mà đây là yếu tố làm tăng lòng tin vào

đồng Việt Nam đang mạnh lên. Việc nâng giá đồng Việt Nam so với các đồng tiền khác có cơ sở là nền kinh tế Việt Nam đang mạnh lên tương đối trong khi nền kinh tế toàn cầu đang suy thoái. Cơ hội để nâng giá đồng Việt Nam rất ít khi xảy ra trong lịch sử vận động của đồng Việt Nam từ khi phát hành đồng tiền Việt Nam đến nay. Nâng giá đồng Việt Nam tạo nên đột phá mới trong chính sách điều hành tỷ giá hối đoái của Việt Nam để thích nghi với khủng hoảng.

Theo cách xem xét trên, đồng Việt Nam nên nâng giá là hợp lý chứ không phải giảm

giá hoặc thậm chí phá giá mạnh để cải thiện năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu Việt Nam như một số ý kiến liên quan đến tỷ giá hối đoái. Nếu lấy mốc 22.000 VND/USD làm điểm cân bằng của tỷ giá thì việc duy trì tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ ở mức 18.000 VND/USD hiện nay được coi là việc nâng cao tương đối của đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ. Theo tính toán của Ngân hàng Standard Chartered, cho đến cuối năm 2009, tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ có thể đạt đến con số 18.400 VND/USD (xem biểu đồ 3)

Biểu đồ 3: Tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ



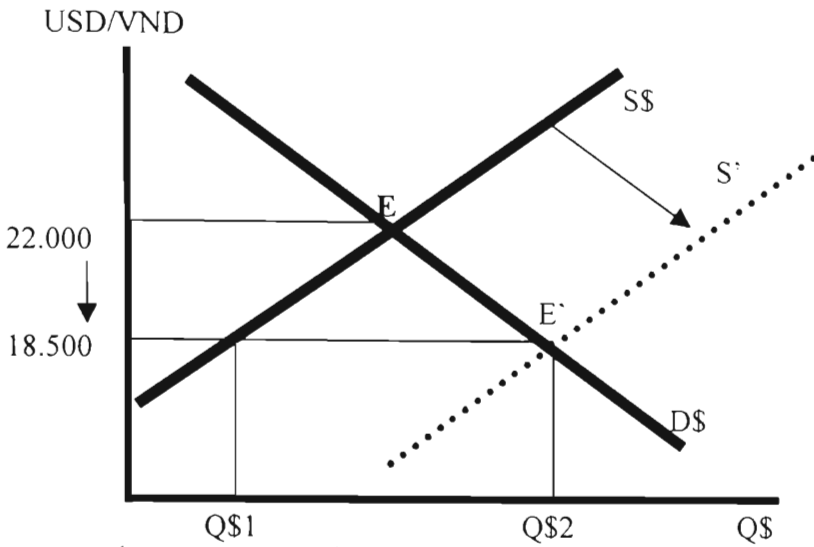
Nguồn: Standard Chartered- VN economy

Nâng giá tương đối đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ là sự lựa chọn phù hợp nhất hiện nay

Việc nâng giá tương đối đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ như lập luận trên đây có những tác động tích cực nhất định so với giảm giá hoặc thậm chí phá giá mạnh đồng Việt Nam trong thời điểm hiện tại. Việc nâng giá có tính toán và cân nhắc thận trọng sẽ không tạo ra những “cú sốc” lớn như phá giá mạnh đồng tiền. Tuy nhiên, việc nâng giá đồng tiền đòi hỏi khả năng của chính phủ trong việc bảo đảm một lượng ngoại tệ đủ mạnh và có cơ chế điều hành phù hợp nhằm duy trì được tỷ giá ở vùng mục tiêu đặt ra trong một khoảng thời gian nhất định (xem đồ thị 2). Nếu đồng tiền bị nâng giá quá cao thì lượng cầu về ngoại tệ sẽ càng lớn và áp lực phá giá đồng tiền lại càng

lớn. Khi xuất hiện áp lực phá giá mạnh đồng tiền, sự can thiệp của chính phủ thông qua sử dụng dự trữ ngoại tệ hoặc nới lỏng biên độ dao động nhằm giảm bớt áp lực này. Việc can thiệp này cần được thực hiện đúng thời điểm để tránh tình trạng xuất hiện các phản ứng lan truyền làm vô hiệu hoá các biện pháp can thiệp trước khi các biện pháp được áp dụng. Bên cạnh đó độ co giãn của cầu về ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái không phải giống nhau trong mọi thời điểm, cho nên có thể biện pháp can thiệp thời điểm này tác dụng không lớn song vào thời điểm khác, biện pháp can thiệp lại có tác dụng rất lớn. Tuy nhiên, nếu việc nâng giá quá cao đồng Việt Nam so với các ngoại tệ khác có thể dẫn đến việc phá giá mạnh để lấy lại cân bằng nếu như chính phủ không đủ khả năng điều tiết.

Đồ thị 2: Nâng giá tương đối đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ để cải thiện vị thế đồng Việt Nam



Theo đồ thị 2, nếu tỷ giá thực tế và cân bằng giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ là 22.000 VND/USD (theo tính toán của một số chuyên gia) thì việc duy trì tỷ giá ở con số 18.500 VND/USD chính là việc nâng giá tương đối đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ. Như vậy, sẽ xuất hiện tình trạng dư cầu rất lớn về ngoại tệ đo bằng đoạn Q\$1-Q\$2 trên đồ thị. Điều này đòi hỏi phải sử dụng một lực lượng dự trữ lớn ngoại tệ để điều tiết. Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), lượng ngoại tệ Việt Nam dự trữ đủ để nhập khẩu 12 tuần và con số đó vào khoảng 20 tỷ USD. Nếu sử dụng có hiệu quả lượng ngoại tệ từ các kênh khác như kiều hối (mỗi năm khoảng 8-10 tỷ USD), đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguồn ODA, thì khả năng duy trì đồng Việt Nam với giá cao là có thể được. Đồng thời, cần chú ý đến quan hệ thương mại song phương. Chẳng hạn, các thị trường truyền thống và có quan hệ tương đối ổn định với Việt Nam như thị trường châu Âu, Mỹ và Nhật Bản nên duy trì tỷ giá thấp để thúc đẩy việc cải thiện năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam và khai thác triệt để lợi thế lao động rẻ cũng như tác động tái phân phối thu nhập từ vốn sang lao động, tranh thủ tối đa năng lực quản

lý từ các đối tác nước ngoài này. Hàng hoá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường thâm nhập có hiệu quả vào các thị trường truyền thống có thu nhập cao này. Đối với các thị trường mới như thị trường châu Phi chẳng hạn, nơi có thu nhập thấp, có thể duy trì tỷ giá cao để hàng Việt Nam chủ yếu là hàng của các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện thâm nhập và mở rộng thị trường. Đồng thời, khi công bố tỷ giá chính thức nên chú trọng tới việc nâng giá đồng Việt Nam để định hướng thị trường tự do cùng với cơ chế dự báo, cảnh báo sớm những biến động của thị trường trong và ngoài nước để điều tiết phù hợp như dự báo về tình hình xuất- nhập khẩu, dự trữ ngoại tệ, tình hình đầu tư nước ngoài và độ co giãn của cầu về ngoại tệ so với sự biến động của tỷ giá hối đoái mà trực tiếp là cầu về đồng đô la Mỹ.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thường Lạng, *Cán cân thanh toán quốc tế*, Kinh tế quốc tế, Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, 2004
2. Cuong Le Van, Cécile Couharde, and Thai Bao Luong, *The Determination of the Equilibrium Exchange Rate in a Simple General Equilibrium Model*, Review of Development Economics, 10(3), 506-517, 2006